

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 6 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tin

2. Ông Đào Xuân Thịnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng: Bà Vũ Thị Lành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Lưu Thị Ch, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Nh, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

* *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Nh, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2022, tại biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lưu Thị Ch trình bày:** Chị và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức cưới xin theo phong tục địa phương nhưng không đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị về nhà anh Đ sống và làm dâu ngay, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng ở tại thôn Nh, xã C, huyện Yên Dũng. Vợ chồng chung sống hòa thuận từ khi cưới đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị đi làm công ty, anh Đ nghi ngờ chị có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên ghen tuông, thường xuyên chửi và đánh đập chị nhiều lần. Gia đình chị dần xếp nhiều lần để vợ

chồng đoàn tụ nhưng anh Đ vẫn tiếp tục đánh đập chị. Đến năm 2015 chị và anh Đ cùng đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, đến tháng 2/2022 thì chị về Việt Nam, còn anh Đ về nước năm 2020. Khi chị về nước không về nhà chung sống cùng anh Đ mà về thẳng nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã C, huyện Yên Dũng sống. Hiện nay anh Đ đang sống chung cùng người phụ nữ khác, có tổ chức cưới còn đăng ký kết hôn hay không thì chị không biết. Trong thời gian anh chị cùng làm việc ở Đài Loan thì vợ chồng không liên lạc gì, không quan đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo, kinh tế độc lập, không liên quan đến nhau. Vợ chồng chị chính thức sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Thời gian sống ly hôn đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, do anh chị không có đăng ký kết hôn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Đ là vợ chồng.

+ Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2000. Hiện nay 02 con đã trưởng thành, cháu H đã có gia đình riêng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không có gì, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Chính trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Đ là vợ chồng; về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:** Anh và chị Ch chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị Ch về nhà anh sống và làm dâu ngay, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ tôi ở tại thôn Nht, xã C. Vợ chồng chung sống hòa thuận từ khi cưới đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau, ngoài ra còn do chị Ch chưa làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ, không lo toan cho gia đình mà để cho tôi lo hết, chỉ biết lo cho bản thân. Anh có khuyên bảo nhưng chị Ch không nghe, vợ chồng mâu thuẫn nhiều hơn. Việc vợ chồng tôi mâu thuẫn, hai gia đình có dàn xếp, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Ch không nghe. Đến năm 2015 khi vợ chồng mâu thuẫn, chị Ch tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã C sống, sau đó tự đi lao động ở Đài Loan, khi đi chị Ch không nói gì với anh, đến tháng 02/2022 chị Ch về nước. Trong thời suốt thời gian chị Ch đi lao động

ở Đài Loan, anh và chị Ch không liên lạc gì với nhau, vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc, không quan tâm gì đến nhau. Đến tháng 02/2022 chị Ch về nước nhưng cũng không về nhà chung sống cùng anh mà về thẳng nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã C sống, sau đó tự làm đơn xin ly hôn anh, lúc này thì gia đình hai bên không dàn xếp gì nữa mà để vợ chồng tôi tự quyết định. Vợ chồng anh chính thức sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Thời gian sống ly hôn đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Ch xin ly hôn anh đồng ý. Do anh chị không có đăng ký kết hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Ch là vợ chồng.

+ Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2000. Hiện nay 02 con đã trưởng thành, cháu H đã có gia đình riêng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng anh không có gì, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Đ trình bày: Anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Ch, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Ch là vợ chồng; về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tài liệu, chứng cứ thu thập được:**

+ Tại bản xác minh với ông Lưu Văn L trưởng thôn Nh cung cấp: Quá trình chung sống giữa chị Ch và anh Đ nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do đâu anh không biết, chỉ biết là anh Đ và chị Ch thường xuyên đánh cãi chửi nhau nhiều năm. Khi vợ chồng anh Đ và chị Ch có mâu thuẫn, gia đình và chính quyền địa phương có hòa giải, dàn xếp nhưng không có kết quả, chị Ch phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống. Đến năm 2015 chị Ch đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, đến năm 2022 về nước nhưng không về sống chung cùng anh Đ mà về thẳng nhà bố mẹ đẻ chị Ch. Nay chị Ch xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

+ Tại biên bản xác minh với bà Lưu Thị Á, cán bộ tư pháp xã C cung cấp: Hiện nay tại UBND xã C chỉ còn lưu giữ sổ theo dõi đăng ký kết hôn từ 10/9/1999 đến nay, còn từ ngày 10/9/1999 trở về trước không còn lưu giữ. Kiểm tra sổ theo dõi đăng ký kết hôn từ 10/9/1999 đến nay thì không có trường hợp nào là anh Nguyễn Văn Đ và chị Lưu Thị Ch đăng ký kết hôn tại UBND xã.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết

vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Ch, đề nghị HĐXX xử: Không công nhận chị Lưu Thị Ch và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng; về án phí: Chị Lưu Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục sửa chữa vi phạm: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Ch và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 16/11/1993, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn là trái quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Chị Ch và anh Đ chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị Ch là do anh Đ nghi ngờ chị có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên ghen tuông, thường xuyên chửi và đánh đập chị nhiều lần, gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2015 chị và anh Đ cùng đi làm ăn ở Đài Loan nhưng vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo, đến khi anh chị về nước thì không về chung sống cùng nhau. Còn theo anh Đ là do chị Ch sống không làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ, không biết lo cho chồng con, chỉ lo cho bản thân, anh khuyên bảo chị không nghe. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, chị Ch và anh Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ch là phù hợp với quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Ch và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2000. Hiện nay 02 con đã trưởng thành, cháu H đã có gia đình riêng, chị Ch và anh Đ không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ch và anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lưu Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lưu Thị Ch và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

2.2. Về án phí: Chị Lưu Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009489 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Yên Dũng.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Yên Dũng.
- CCTHADS huyện Yên Dũng ;
- UBND xã C;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo